TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2021/HS - ST Ngày 14 - 12 - 2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Tiện.

2. Ông Lò Văn Viễn.

- Thư ký phiên toà:

Bà Hà Thị Phương Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà:

Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2021/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST - HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quyết T** - Sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT: Tiểu khu 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Lê Thị H (đã chết); Bị cáo đã ly hôn vợ là Trần Thị H1 và có 01 con (đã chết); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/6/2009 bị Công an huyện H xử phạt hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 13/11/2018 bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 06/9/2021 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Lò Thị L, sinh năm 1994. Trú tại: Bản D, xã K, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị D1, sinh năm 1979. Trú tại: Bản P1, xã K, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 04/9/2021 Trần Quyết T đến Phòng khám đa khoa Bình An thuộc bản Quyết T, xã N, huyện M để khám bệnh, T gặp bác sỹ Bùi Đức Long của phòng khám tại khu tiếp đón bệnh nhân, trong lúc nói chuyện với bác sỹ Long thì T nhìn thấy trên bàn có để một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V20 của chị Lò Thị L trú tại bản D, xã K, huyện M (là nhân viên của phòng khám đa khoa Bình An). Khi thấy bác sỹ Long đi vào phòng trong, T quan sát thấy không có người nên đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại di động đang để trên bàn mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, T lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần trước bên phải đang mặc rồi đi xe đạp của mình về nhà của gia đình Nguyễn Thị D1 ở bản P1, xã K, huyện M hỏi vay tiền để đi về nhà ở huyện H thăm gia đình sau này sẽ làm thuê để trả nợ và được chị D1 cho vay tổng cộng 300.000đ, T để lại chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO V20 đã trộm cắp được cho chị D1 để làm tin, chị D1 hỏi nguồn gốc thì T nói là nhặt được và nói sau này vào làm có tiền sẽ lấy lại sau đồng thời để chiếc máy điện thoại cạnh chỗ chị D1 đang ngồi rồi đi xe đạp đi lên chợ trung tâm thị trấn M. Sau khi phát hiện chiếc điện thoại bị mất trộm chị Lò Thị L đã trình báo Công an huyện S. Sau khi được Công an huyện S mời về làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại của mình. Ngày 05/9/2021 chị Nguyễn Thị D1 giao nộp chiếc điện thoại cho Công an huyện S.

Tại Kết L định giá tài sản số 26/TgT ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện M, kết L: *01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO V20 màu xanh hồng, số IMEI 1: 866243059801976, số IMEI 2: 866243059801968, trị giá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).*

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 157/CT-VKS ngày 04 tháng 11 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố Trần Quyết T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Quyết T từ 03 - 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung. Chấp nhận việc người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền đã vay. Vật chứng đã xử lý xong tại giai đoạn điều tra. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa người bị hại trình bày: Chị đang làm việc tại Phòng khám Đa khoa Bình An, ngày 04/9/2021 chị có bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu

VIVO V20 tại phòng khám, sau đó chị đã trình báo với cơ quan công an và xác định được người thực hiện hành vi trộm cắp là bị cáo Trần Quyết T, hiện nay chị đã nhận lại chiếc điện thoại bị bị cáo trộm cắp, chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và trong đơn có trình bày: Gia đình nhà chị làm nghề thợ xây, trước đó bị cáo T có làm thuê cho gia đình nhà chị. Chiều ngày 04/9/2021 bị cáo T có đến vay chị 300.000đ và để lại chỗ chị 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V20 để làm tin, chị không biết chiếc điện thoại này do T trộm cắp mà có. Chị đã nộp lại điện thoại cho CQCSĐT, chị không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị số tiền 300.000đ đã vay trước đó và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với ý kiến của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến tranh L gì với lời L tội của đại diện VKS tại phiên tòa và khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh L tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau

- Đơn trình báo của người bị hại Lò Thị L;

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Biên bản thu giữ đồ vật, tài sản ngày 05/9/2021;

- Kết L định giá tài sản số 26/TgT ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện M, kết L: chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO V20 màu xanh hồng trị giá 3.500.000 đồng.

- Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 10/9/2021 xác định hiện trường xảy ra vụ án là Phòng khám đa khoa Bình An có địa chỉ tại bản Quyết T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Lời khai nhận tội của bị cáo về việc chiều ngày 04/9/2021 đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động tại phòng khám đa khoa Bình An.

- Lời khai nhận tội của bị cáo về thời gian địa điểm, diễn biến của hành vi phạm tội tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không có thay đổi, bổ sung gì về lời khai làm thay đổi nội dung vụ án. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết L: Ngày 04/9/2021 bị cáo Trần Quyết T lợi dụng sự sơ hở của chủ quản lý tài sản đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động có trị giá 3.500.000 đồng. Hành vi bị cáo thực hiện đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt từ "phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên toà và tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất và huân chương kháng chiến hạng nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, gây bức xúc trong xã hội. Tuy nhiên, sau khi xem xét điều kiện, hoàn cảnh phạm tội cùng các đặc điểm riêng về hoàn cảnh cá nhân của bị cáo xét thấy việc bị cáo đã bị tạm giam một thời gian cũng đã đủ để giáo dục, răn đe và trừng phạt đối với bị cáo, vì vậy cần tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tái hòa nhập cộng đồng sớm, để tiếp tục lao động sản xuất trở thành người có ích, cũng đảm bảo biện pháp răn đe, phòng ngừa chung, góp phần gìn giữ trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Về hình phạt bổ sung: CQCSĐT đã xác minh làm rõ bị cáo sống một mình, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

Người bị hại Lò Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, không có đề nghị gì khác. Chị D1 không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền đã vay 300.000đ. Bị cáo nhất trí với ý kiến của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét những thỏa thuận này là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận và không đặt vấn đề xem xét.

Đối với chị Nguyễn Thị D1 là người được bị cáo để lại chiếc điện thoại sau khi vay tiền do chị D1 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, cũng không có mục đích cầm cố hay mua bán chiếc điện thoại nên cơ quan điều tra Công an huyện S không đặt vấn đề xử lý là đúng.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V20 thu giữ trong vụ án do chị Nguyễn Thị D1 giao nộp, xác định được là tài sản hợp pháp của người bị hại Lò Thị L cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả cho chị Lò Thị L quản lý và sử dụng là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án: Đã xử lý xong tại giai đoạn điều tra, HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố bị cáo Trần Quyết T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Trần Quyết T 03 tháng 09 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về một tội phạm khác.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự

Chấp nhận việc người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Chấp nhận việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền nợ là 300.000đ.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Các Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Trần Quyết T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định (ngày 14/12/2021)./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo, bị hại, người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nhung